

Số: 585/TB-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2023 ĐỢT 1
HỆ CHÍNH QUY, ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Trường Đại học Cần Thơ trân trọng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2023 đợt 1 với các nội dung như sau:

I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

TT	NGÀNH DỰ TUYỂN	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO	PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH
1	Bảo vệ thực vật	8620112	65	Nghiên cứu	<i>Xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1) đối với các thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</i>
2	Bệnh học thủy sản	8620302	40	Nghiên cứu	
3	Chăn nuôi	8620105	55	Nghiên cứu	
4	Chính sách công	8340402	35	Nghiên cứu	
5	Công nghệ sau thu hoạch	8540104	30	Ứng dụng	
6	Công nghệ sinh học	8420201	85	Nghiên cứu	
7	Công nghệ thông tin	8480201	50	Nghiên cứu	
8	Công nghệ thực phẩm	8540101	70	Nghiên cứu	
9	Di truyền và chọn giống cây trồng	8620111	35	Nghiên cứu	
10	Hệ thống nông nghiệp	8620118	35	Nghiên cứu	
11	Hệ thống nông nghiệp; Chuyên ngành Biến đổi khí hậu và nông nghiệp nhiệt đới bền vững	8620118	30	Nghiên cứu	
12	Hệ thống thông tin	8480104	55	Ứng dụng	
13	Hóa hữu cơ	8440114	45	Nghiên cứu	
14	Hoá lý thuyết và hoá lý	8440119	45	Nghiên cứu	
15	Khoa học cây trồng	8620110	45	Nghiên cứu	
16	Khoa học đất	8620103	45	Nghiên cứu	
17	Khoa học máy tính	8480101	65	Nghiên cứu	
18	Khoa học môi trường	8440301	40	Nghiên cứu	
19	Kinh tế học	8310101	50	Ứng dụng	
20	Kinh tế nông nghiệp	8620115	65	Ứng dụng	
21	Kỹ thuật điện	8520202	20	Nghiên cứu	
22	Kỹ thuật điện	8520202	35	Ứng dụng	
23	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	8520216	30	Nghiên cứu	
24	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	8520216	45	Ứng dụng	
25	Kỹ thuật hóa học	8520301	65	Nghiên cứu	
26	Kỹ thuật môi trường	8520320	50	Nghiên cứu	
27	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	8580202	70	Nghiên cứu	
28	Luật kinh tế	8380107	65	Ứng dụng	
29	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp	8140111	25	Ứng dụng	
30	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	8140111	55	Nghiên cứu	


TT	NGÀNH DỰ TUYỂN	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO		
31	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và tiếng Việt	8140111	40	Nghiên cứu	<i>Xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1) đối với các thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</i>	
32	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	8460106	35	Nghiên cứu		
33	Nuôi trồng thủy sản	8620301	95	Nghiên cứu		
34	Phát triển nông thôn	8620116	75	Nghiên cứu		
35	Quản lý đất đai	8850103	45	Nghiên cứu		
36	Quản lý giáo dục	8140114	44	Nghiên cứu		
37	Quản lý kinh tế	8310110	70	Ứng dụng		
38	Quản lý tài nguyên và môi trường	8850101	45	Nghiên cứu		
39	Quản lý tài nguyên và môi trường; Chuyên ngành Biến đổi khí hậu và quản lý đồng bằng	8850101	30	Nghiên cứu		
40	Quản lý thủy sản	8620305	25	Nghiên cứu		
41	Quản lý thủy sản, Chuyên ngành Biến đổi khí hậu và quản lý tổng hợp thủy sản ven biển	8620305	30	Nghiên cứu		
42	Quản trị kinh doanh	8340101	75	Ứng dụng		
43	Sinh thái học	8420120	45	Nghiên cứu		
44	Tài chính - Ngân hàng	8340201	65	Nghiên cứu		
45	Thú y	8640101	75	Nghiên cứu		
46	Toán giải tích	8460102	40	Nghiên cứu		
47	Văn học Việt Nam	8220121	50	Nghiên cứu		
48	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	75	Nghiên cứu		
49	Vi sinh vật học	8420107	45	Nghiên cứu		
50	Luật kinh tế	8380107	30	Nghiên cứu		Thi tuyển 03 môn: - Luật thương mại. - Lý luận về nhà nước và pháp luật. - Anh văn.
51	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, <i>chuyên ngành</i> Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	8140111	100	Nghiên cứu		Thi tuyển 02 môn: - Kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh. - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh.

II. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN

1. Điều kiện về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

b) Danh mục ngành phù hợp có và không có bổ sung kiến thức, học phần bổ sung kiến thức được thể hiện ở *Danh mục các ngành dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2023 (Danh mục đính kèm)*.

c) Trường hợp ngành tốt nghiệp đại học không có tên trong danh mục ngành phù hợp (có và không có bổ sung kiến thức) do ngành tốt nghiệp không còn đúng tên trong Danh mục cấp IV hiện tại của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tốt nghiệp đại học nước ngoài thì ứng viên vẫn được nộp hồ sơ đăng ký nếu có nhu cầu và Hội đồng tuyển sinh Trường sẽ xét duyệt hồ sơ của từng trường hợp. 

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cụ thể như sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Cần Thơ cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.;

c) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các trường đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp hoặc một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được quy định tại **Phụ lục** của Thông báo này và còn thời hạn không quá 02 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

d) Đối với ứng viên chưa đủ điều kiện ngoại ngữ ở các mục a, b, c Trường Đại học Cần Thơ tổ chức **thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1)** theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại thời điểm tuyển sinh của từng đợt. Kết quả thi chỉ áp dụng cho đúng đợt thi của thí sinh đăng ký, không bảo lưu cho các đợt kế tiếp và không cấp giấy chứng nhận. Điểm đạt là từ 4,0đ (bốn điểm) trở lên, không làm tròn điểm.

e) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3. Về kinh nghiệm và công tác chuyên môn

a) Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (không bổ sung kiến thức) được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

b) Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp có bổ sung kiến thức được đăng ký dự tuyển sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành. Trong trường hợp này, ứng viên phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Ứng viên không cung cấp minh chứng hoặc minh chứng không hợp lệ sẽ không được xét tuyển.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

c) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

d) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại các địa phương được quy định là khu vực 1 theo khoản a của mục này.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

Thí sinh nộp hồ sơ ưu tiên cùng với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển. Không nhận hồ sơ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả trúng tuyển.

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi nửa điểm (0,5 điểm) theo thang điểm 10 cho môn thi cơ bản. Đối với trường hợp xét tuyển dựa trên hồ sơ năng lực, ứng viên được cộng nửa điểm (0,5 điểm) theo thang điểm 10 đã quy đổi.

III. ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, THỜI GIAN ĐÀO TẠO, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Địa điểm đào tạo: đào tạo tập trung tại Trường Đại học Cần Thơ theo hình thức tín chỉ.

b) Hình thức đào tạo chính quy: đào tạo cả định hướng nghiên cứu và ứng dụng (tùy thuộc ngành/chuyên ngành).

c) Thời gian đào tạo:

- Thời gian đào tạo chuẩn: 2 năm (24 tháng).

- Thời gian đào tạo tối đa: 4 năm (48 tháng).

d) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng được ban hành theo Quyết định số 889/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Trường Đại học Cần Thơ.

IV. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thi tuyển, xét tuyển và xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực ngoại ngữ.

1. Thi tuyển

Trường Đại học Cần Thơ tổ chức thi tuyển đối với 02 ngành thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh định hướng nghiên cứu và Luật kinh tế định hướng nghiên cứu.

2. Xét tuyển

Theo hồ sơ năng lực, bao gồm tất cả các ngành, ngoại trừ các ngành thi tuyển đã đề cập ở mục IV.1.

Tiêu chí và quy đổi điểm xét tuyển


Dựa trên điểm trung bình tích lũy (tính đến 2 chữ số thập phân) trong Bảng điểm hay Phụ lục văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương.

a) Đối với các ứng viên có bảng điểm hay Phụ lục văn bằng tốt nghiệp thể hiện cả điểm trung bình tích lũy toàn khóa theo thang điểm 10 và thang điểm 4; điểm sử dụng để quy đổi xét tuyển là điểm tính theo thang 10, tính đến 2 chữ số thập phân.

Ví dụ: Điểm trung bình tích lũy của ứng viên như sau

Điểm tích lũy toàn khóa theo thang điểm 4: 2,55/4,0

Quy đổi theo thang điểm 10: 6,14/10,0

- Đối với các ứng viên có Bảng điểm hay Phụ lục văn bằng tốt nghiệp chỉ được tính theo thang điểm 4, quy đổi về thang điểm 10 để tính điểm xét tuyển. 

b) Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học:

Người dự tuyển có công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành được tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước (HĐCDGSNN), theo ngành đào tạo. Cụ thể như sau:

- Là tác giả chính (tác giả đứng đầu hay tác giả liên hệ): cộng 0,5 điểm (tính trên thang điểm 10)

- Là đồng tác giả: cộng 0,25 điểm (tính trên thang điểm 10)

Điểm thưởng tối đa đối với mỗi ứng viên là nửa điểm (0,5/10). Trường hợp ứng viên có nhiều hơn 01 bài báo khoa học, chỉ chọn 01 bài báo có điểm cộng cao để tính điểm thưởng xét tuyển.

Chú ý: Không áp dụng điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học đối với người dự tuyển vào chương trình định hướng nghiên cứu có hạng tốt nghiệp loại trung bình, phải có công bố khoa học để đáp ứng điều kiện xét tuyển như đã nêu ở mục II.1.

Tổng điểm xét tuyển: Điểm trung bình tích lũy đại học (đã quy đổi) + Điểm thưởng thành tích NCKH + Điểm ưu tiên.

Ví dụ: Ứng viên có:

- Điểm trung bình tích lũy đại học là 6,14 điểm

- Điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học là 0,5 điểm

- Điểm ưu tiên: 0

Tổng điểm là $6,14 + 0,5 + 0 = 6,64$ (**Đây là ví dụ cộng 3 nội dung khi xét tuyển, không phải điểm xét tuyển của đợt tuyển sinh này**).

3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển

Xét tuyển kết hợp với thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh được áp dụng đối với ngành tuyển sinh theo phương thức xét tuyển, ứng viên chưa đảm bảo điều kiện ngoại ngữ theo quy định.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Phiếu đăng ký dự tuyển (01 bản chính theo mẫu);
2. Bảng điểm đại học/Phụ lục văn bằng (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
3. Bằng tốt nghiệp đại học (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
4. Lý lịch cá nhân (01 bản chính theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh);
5. Biên nhận hồ sơ đã điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu (01 bản chính theo mẫu);
6. Căn cước công dân (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
7. Phiếu dán ảnh (dán kèm 03 ảnh 3 x 4 mới nhất, không quá 03 tháng);
8. Chứng chỉ miễn thi ngoại ngữ, nếu có (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);


9. Hồ sơ xác nhận ưu tiên, nếu có (01 bộ hồ sơ có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
10. Bảng điểm bổ sung kiến thức đối với nhóm ngành phù hợp cần bổ sung kiến thức (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
11. Phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh (02 phong bì);
12. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy, có mang theo bản gốc để đối chiếu).
13. Công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành được tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước (01 bản sao, nếu có).

VI. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN, XÉT TUYỂN

Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành/chuyên ngành đào tạo và tổng điểm thi/kiểm tra hay tổng điểm xét tuyển (không tính điểm ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển, xét theo thứ tự cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng tổng điểm thi tuyển/xét tuyển (đã cộng điểm thưởng, điểm ưu tiên, nếu có) thì thí sinh là nữ, ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới.

VII. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ, THỜI GIAN ÔN TẬP, CHI PHÍ DỰ TUYỂN

1. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển:
 - Ngành Luật kinh tế định hướng nghiên cứu: từ ngày ra thông báo đến ngày **31/3/2023**.
 - Các ngành khác còn lại: từ ngày ra thông báo đến ngày **07/4/2023**.
 - Trường Đại học Cần Thơ nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển nộp đầy đủ và đúng thời hạn thông báo.
 - Hồ sơ và lệ phí đã nộp không hoàn trả lại.
2. Thời gian ôn tập (giảng dạy vào thứ 7 và chủ nhật hàng tuần, thời khóa biểu vui lòng xem tại website Khoa Sau đại học <http://gs.ctu.edu.vn>):
 - Ngành Luật kinh tế định hướng nghiên cứu: từ ngày 01/4/2023 đến ngày 07/5/2023.
 - Các ngành khác còn lại: từ ngày 08/4/2023 đến ngày 07/5/2023.
3. Chi phí dự tuyển:
 - a) Đối với 47 ngành xét tuyển kết hợp thi tuyển (Số thứ tự từ 1 – 49)
 - Thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định: 800.000đ/thí sinh.
 - Thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định phải tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1): 3.540.000đ/thí sinh (chi phí bao gồm xét tuyển chuyên môn, ôn và thi ngoại ngữ). 

b) Đối với 02 ngành thi tuyển (Số thứ tự từ 50 – 51)

Ngành Luật kinh tế:

- Thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định: 2.160.000đ/thí sinh (*chi phí bao gồm ôn và thi 02 môn chuyên môn*).
- Thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định phải tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1): 4.900.000đ/thí sinh (*chi phí bao gồm ôn và thi 03 môn*).

Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh: 2.160.000đ/thí sinh (*chi phí bao gồm ôn và thi 02 môn chuyên môn*).

VIII. THỜI GIAN THI TUYỂN, CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN NHẬP HỌC

1. Thời gian thi tuyển: **13/5/2023 và 14/5/2023**.
2. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: tháng 6/2023.
3. Thời gian nhập học: tháng 8/2023.

IX. HỌC PHÍ

Học phí được tính theo tín chỉ, mức học phí thu theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ. Ứng viên tham khảo mức học phí năm học tại địa chỉ website: <https://dfa.ctu.edu.vn/van-ban/cap.html>

Lộ trình tăng học phí thực hiện hàng năm theo quy định và được công khai trước khi bắt đầu năm học mới.

X. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

Hồ sơ đăng ký và mọi chi tiết khác có liên quan xin liên hệ:

Khoa Sau đại học Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2 đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 02923.734401 hoặc 02923.734402

Website: <http://gs.ctu.edu.vn>

Email: ksdh@ctu.edu.vn; nhgtien@ctu.edu.vn

Ghi chú:

- Khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, thí sinh vui lòng xem kỹ điều kiện được dự thi theo thông báo tuyển sinh của Trường. Hồ sơ dự thi nếu không được Hội đồng Tuyển sinh của Trường xét duyệt sẽ không hoàn trả lệ phí và hồ sơ đã nộp.
- Tất cả các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của thí sinh dự tuyển sẽ được thẩm định theo đúng quy định của pháp luật. Nếu văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của thí sinh không hợp lệ thì kết quả thi của thí sinh sẽ bị hủy bỏ và cá nhân thí sinh phải chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật theo quy định.

Nơi nhận:

- Website Trường;
- Website Khoa Sau đại học;
- Các đơn vị trong trường;
- Sở ban ngành các tỉnh;
- Lưu: VT, KSDH.



PHỤ LỤC

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ
(Kèm theo Thông tư số: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Ghi chú: Trình độ ngoại ngữ theo chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra phải cùng một ngôn ngữ. 